

THÁN DỊ SAO

『歎異抄』

Tannishō

Việt dịch: Quảng Minh

DẪN NHẬP

Thán Dị Sao (歎異抄, Tannishō), còn được gọi là “Lời than thở về dị thuyết”, là một văn bản Phật giáo ngắn vào cuối thế kỷ 13, thường được cho là do Duy Viên, một đệ tử của Thân Loan Thánh nhân viết. Trong Thán Dị Sao, Duy Viên lo ngại về những dị thuyết ngày càng gia tăng trong Tịnh độ Chân tông, sau cái chết của người khai sáng là Thân Loan Thánh nhân. Vì vậy Duy Viên đã viết ra những cuộc đối thoại giữa mình và Thân Loan mà ông ấy có thể nhớ lại khi Thầy mình còn sống.

Nhiều đoạn hội thoại trong Thán Dị Sao rất thẳng thắn khi so sánh với các văn bản trọng yếu hơn, và điều này có thể giải thích phần nào sự phổ biến của Thán Dị Sao trong giới hành giả Tịnh độ Chân tông. Thán Dị Sao cho phép các hành giả Tịnh độ Chân tông nhìn vào tâm trí của Thân Loan Thánh nhân và muốn biết quan điểm của ông ấy khi thực hành Tịnh độ Chân tông. Thán Dị Sao cũng là động lực chính cho sự khởi đầu của Phong trào Dobokai (同朋会運動, Đồng Minh Hội Vận Động) trong nhánh Đông Bản Nguyên Tự (Higashi Hongan-ji) của Tịnh độ Chân tông. Mục tiêu của phong trào Dobokai là đánh thức và đoàn kết các thành viên của Đông Bản Nguyên Tự do xung đột nội bộ về sự khác biệt quan điểm học thuyết chẳng hạn như về tín tâm và liệu cõi Tịnh độ sẽ được đưa vào sau khi chết hay trong cuộc sống này.

Thán Dị Sao được chia thành 18 chương, có nhiều chương rất ngắn, không dài hơn một vài câu. Tuy nhiên, mỗi chương đề cập đến một vấn đề giáo lý riêng biệt.

Chương 1 đến chương 10 tập trung vào những suy nghĩ của Thân Loan liên quan đến Tịnh độ Chân tông, sự niệm Phật và Đức Phật A Di Đà, trong khi chương 11 đến chương 18 đề cập đến những dị thuyết mà Duy Viên muốn xóa bỏ hoặc sửa chữa trên cơ sở những gì Thân Loan đã dạy cho Duy Viên. Tiếp theo là một phụ lục về lịch sử lưu đày của Thân Loan và các đệ tử khác của phong trào Tịnh độ, bao gồm cả thầy của ông là Pháp Nhiên, dưới thời trị vì của Thiên hoàng Hậu Điều Vũ. Cuối cùng, phần tái bút do Thích Liên Như sáng tác nói rằng: “Thánh giáo thiêng liêng này là một trong những Thánh giáo trọng yếu của phái chủ lưu. Đừng dễ dàng đưa nó cho người không có túc thiện căn xem đọc.”

Thán Dị Sao là một trong những tác phẩm được đọc nhiều nhất trong Phật giáo Nhật Bản, được biết đến không chỉ như một tác phẩm kinh điển về tôn giáo mà còn về văn học. Nhà triết học nổi tiếng người Nhật Nishida Kitaro (1870-1945) đã tuyên bố rằng ngay cả khi trên trái đất chỉ còn hai cuốn sách, nếu một trong số đó là Thán Dị Sao, thì chắc chắn sẽ không có gì phải phàn nàn. Tác phẩm này được dịch sang tiếng Anh¹, tiếng Pháp², tiếng Đức³, tiếng Ý⁴, tiếng Bồ Đào Nha⁵, tiếng Hàn⁶, tiếng Tây Tạng⁷ và Hán ngữ (bản trực dịch giản thích, bản văn ngôn ý dịch

¹ *The Tannisho: A Religion Beyond Good and Evil*. Translated by Ryukyo Fujimoto. Kyoto: Honpa Hongwanji, 1932, 1955.

Saizō Inagaki, *Shinran Shōnin's Tanni-shō with Buddhist psalms*, published in 1949.

Dr. Alfred Bloom, *Tannisho: A Resource for Modern Living*, published in 1981.

Dr. Taitetsu Unno, *Tannisho: A Shin Buddhist Classic*, published in 1984.

Bandō Shōjun and Harold Stewart, *Tannishō: Passages Deploring Deviations of Faith*, published in 1996.

² Sakurazawa Nyoiti, *Tannisyō, Regret de la croyance étrangère (Principe unique de la philosophie et de la science d'extrême orient)*, published in 1978.

³ *Tannisho: das Buchlein vom Bedauern des abweichenden Glaubens*. Translated by Eikichi Ikeyama, 2nd ed. Kyoto: Hozokan, 1940. Eikichi Ikeyama (1873-1938) là giáo sư tiếng Đức thời Minh Trị. Ông đã sống vài năm ở châu Âu, nơi cách tiếp cận Đông-Tây mang tính quốc tế của ông đối với những lời dạy của Thân Loan đã nở rộ. Bản dịch tiếng Đức của ông về tác phẩm kinh điển Phật giáo Chân Tông “Tannisho” mạnh mẽ đến mức những người đương thời đã dịch nó – từ tiếng Đức, ngược lại sang tiếng Nhật – để có được một phiên bản hiện đại rõ ràng của văn bản Thánh giáo tám trăm năm tuổi.

⁴ Massimo Claus, *Tannisho: Le parole di Shinran sulla Via della Terra Pura*, independently published in 2019.

⁵ *Tannisho: O Tratado de Lamentacao das Heresias*. Translated by Professor Ricardo Mario Goncalves. Sao Paulo: Templo Budista Higashi-Honganji, 1974.

⁶ *Tannisho kaisetsu: Shinko no seizui*. Translated by Ri Chiko. Seoul: Chosenjikei Kyokai, 1928.

⁷ *Tannisho*. Translated by Kaiun Shiratate. In *Kenkyusho Kiyo*, No. 6, 1-58. Kyoto: Otani Daigaku Shinshu Sogo Kenkyujo, 1988.

và bản bạch thoại ý dịch chú thích)⁸. Thán Dị Sao được thu tàng trong Đại Chánh Tạng, Tập 83, No. 2661, viết bằng Nhật ngữ cổ, rất khó đọc hiểu, vì vậy nó cũng được chuyển dịch sang Nhật ngữ hiện đại.

Thán Dị Sao được viết bằng ngôn ngữ đơn giản nhất. Sự đơn giản trong cách diễn đạt, sức mạnh trong tư tưởng của nó, nên nó đã được dịch sang nhiều thứ tiếng. Tuy nhiên, cốt lõi của những lời dạy của Thân Loan Thánh nhân vượt qua những rào cản dịch thuật, như có thể thấy trong chương Một:

“Được sự cứu độ bởi bản nguyện bất tư nghị của Đức Phật A Di Đà thì chắc chắn chúng ta được vãng sanh. Khi có được tín tâm như thế thì từ sâu thẳm nội tâm chúng ta sẽ nghĩ đến việc niệm Phật. Đó là lúc chúng ta đang tiếp nhận lợi ích “nhiếp thủ bất xả” của Đức Phật.”

Đọc Thán Dị Sao có lẽ là cách ý nghĩa nhất để những hành giả theo Tịnh độ Chân tông nói riêng, và Tịnh độ tông nói chung, tiếp xúc với tư tưởng của Thân Loan Thánh nhân, người đã sáng lập ra Tịnh độ Chân tông ở Nhật Bản vào thế kỷ 13.

Như một bức tranh cần một khung vải để vẽ ra bức tranh, những lời dạy của Thán Dị Sao cũng cần một khung vải ‘cuộc đời của chúng ta’ để có thể vẽ ra nó. Chỉ khi đó, trên bức tranh cuộc đời của chúng ta, Thán Dị Sao mới trở nên thực sự có ý nghĩa.

Nam mô A Di Đà Phật.

San Francisco, 27.2.2024

Phật tử Quảng Minh

⁸ Chúng tôi chuyển dịch từ bản trực dịch giản thích, có đối chiếu với nguyên bản Nhật ngữ cổ và bản dịch Nhật ngữ hiện đại. <https://www.horaicn.com/歎異抄/>

THÁN DỊ SAO

No. 2661

Việt dịch: Quảng Minh

Tựa Đầu

Trộm nghĩ một cách ngu ngốc, nhìn từ quá khứ đến hiện tại, tôi không khỏi than thở về những dị thuyết của các đồng môn huynh đệ, nó đã đi chệch khỏi tín tâm chân thật mà tiên sư Thân Loan Thánh nhân đã khẩu truyền. Tôi lo rằng các học trò tương lai sẽ tiếp tục có những hoài nghi. Trừ khi họ có duyên gặp được vị thiện tri thức dẫn họ vào một cánh cổng “Dị hành”. Chớ đem tri thức của mình về sự giác ngộ mà làm loạn tông chỉ của tha lực. Đây là chút ít ghi chép về pháp ngữ của Thân Loan Thánh nhân mà tôi đã lưu giữ ở đáy tai, và tôi chỉ là muốn xua tan những nghi vấn của hành giả có cùng tâm chí.

Chương Một: Lợi ích Nhiếp thủ bất xả

Được sự cứu độ bởi bản nguyện bất tư nghị của Đức Phật A Di Đà thì chắc chắn chúng ta được vãng sanh. Khi có được tín tâm như thế thì từ sâu thẳm nội tâm chúng ta sẽ nghĩ đến việc niệm Phật. Đó là lúc chúng ta đang tiếp nhận lợi ích “nhiếp thủ bất xả” của Đức Phật.

Nên biết rằng, trong bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, không phân biệt già trẻ, thiện ác, mà chỉ yêu cầu có tín tâm chân thật.

Vì sao ngay cả kẻ ác cũng được cứu độ chỉ bằng cách tin vào bản nguyện của Đức Phật A Di Đà? Đó là vì bản nguyện thành tựu vãng sanh của Đức Phật A Di Đà là nhằm cứu độ những chúng sanh tội ác thâm trọng, phiền não xí thịnh. Tín tâm vào bản nguyện thì không cần phải làm thiện hạnh nào khác, vì không có thiện hạnh nào thù thắng hơn Niệm Phật. Cũng không nên sợ hãi điều ác, bởi vì “Không có điều ác nào có thể chướng ngại được bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà,”

Thân Loan Thánh nhân đã nói như vậy.

Chương Hai: Địa ngục là tất yếu

Chắc hẳn các vị đã liềm mạng vượt núi băng non trùng điệp, đi qua biên giới hơn mười quốc gia [từ Kanto đến Kyoto], đến ngôi nhà tranh của tôi, chỉ để nghe tôi nói về con đường vãng sanh Cực Lạc.⁹

Nhưng ngoài việc tín niệm danh hiệu A Di Đà Như Lai ra, tôi không biết pháp môn nào khác. Tôi có thể nói rằng, đây là cách duy nhất để được vãng sanh Tịnh độ. Nếu các vị nghĩ rằng có lẽ tôi biết những giáo lý khác hiệu quả và sâu sắc hơn thì các vị đã lầm to.

Nếu các vị muốn nghe bất kỳ giáo lý nào khác ngoài pháp môn niệm Phật, tôi khuyên các vị nên đến gặp các học giả vĩ đại ở Nam Đô (Chùa Hưng Phúc,

⁹ Lý do các đệ tử từ vùng Kanto liềm mạng đến gặp Thân Loan ở Kyoto để nghe ngài giảng dạy là từ một câu hỏi được đặt ra trong bài giảng của Nhật Liên (Nichiren), người tích cực truyền đạo ở vùng Kanto vào thời điểm đó. Nhật Liên chỉ trích các giáo phái khác, gọi họ là “Niệm Phật là Vô gián, Thiền là Thiên ma, Chân ngôn là vong quốc, Luật là quốc tặc,” và đặc biệt rao giảng rằng “Những tín đồ niệm Phật sẽ rơi vào địa ngục Vô gián”, điều này gây ra sự kích động trong số những tín đồ Niệm Phật ở vùng Kanto. Đó là lý do, trước mặt những người bạn đồng hành đến lắng nghe mình, Thân Loan đã nói: “Tôi sẽ không xuống địa ngục”, một điều gì đó ngọt ngào đến nỗi khơi dậy niềm khao khát thăng tiến vốn nằm sâu trong mỗi con người. Thân Loan tuyên bố, “Tôi không quan tâm nếu tôi xuống địa ngục.” Đây là một mức độ tin tưởng đáng sợ vào “lời dạy của Đức Phật”.

Nara) hoặc Bắc Lĩnh (Chùa Diên Lịch, núi Tỳ Duệ, Ōtsu-shi) và hỏi họ một cách cẩn thận để được lời khuyên về cách vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc.

Đối với tôi, Thân Loan, không còn gì để làm ngoài việc chấp nhận và tin tưởng lời dạy của Thầy tôi, Pháp Nhiên Thượng nhân, “Chỉ bằng cách niệm Phật mới được Đức Phật A Di Đà cứu độ.” Niệm Phật có thực sự là nguyên nhân dẫn tôi đến Tịnh độ hay sẽ tạo nghiệp khiến tôi vào địa ngục? Tôi hoàn toàn không biết.

Nhưng tôi chỉ tin vào lời dạy của Pháp Nhiên Thượng nhân và tin vào việc niệm Phật thì được cứu độ. Cho dù có bị Pháp Nhiên Thượng nhân lừa dối và rơi xuống địa ngục vì niệm Phật, Thân Loan cũng không bao giờ hối hận. Đó là bởi vì, nếu tôi có thể đạt được giác ngộ bằng cách tu tập các hạnh nghiệp khác, nhưng tôi lại rơi vào địa ngục vì niệm Phật, thì tôi chỉ có thể nói rằng tôi rất hối hận vì đã bị lừa dối. Nhưng vì tôi không có khả năng thực hành các hạnh nghiệp khác nên dù thế nào đi nữa địa ngục sẽ là nhà của tôi.

Nếu bản nguyện của Đức Phật A Di Đà là đúng thì lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không sai. Nếu lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là chính xác thì lời dạy của Đại sư Thiện Đạo không phải dối trá. Nếu lời dạy của Đại sư Thiện Đạo đáng tin cậy thì lời dạy của Pháp Nhiên Thượng nhân không phải là lời hư vọng. Nếu lời dạy của Pháp Nhiên Thượng nhân là rất đáng tin thì Thân Loan tôi không nói những điều vô nghĩa.

Nói một cách dễ hiểu, đây là niềm tin của kẻ ngu ngốc. Thêm nữa, nếu các vị muốn tin nhận Niệm Phật hoặc từ bỏ nó, thì các vị nên làm theo ý mình.

Thân Loan Thánh nhân đã nói điều này.

Chương Ba: Ác nhân chánh cơ

“Người hiền còn được vãng sanh, huống chi là kẻ ác.”

Nhưng người đời thường nói: “Kẻ ác còn được vãng sanh, huống chi là người hiền.” Hai câu này thoạt nghe như tương tự, nhưng câu sau lại đi ngược với bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Đó là vì những người dựa vào tự lực để thực hành thiện pháp và cầu vãng sanh hoàn toàn thiếu tín tâm vào tha lực, nên họ tự rời xa bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. Ngược lại, những ai chuyển đổi tâm trí tự lực để tin tưởng và nương tựa hoàn toàn vào tha lực, thì có thể vãng sanh Báo độ chân thật.

Tâm chúng ta đầy đủ phiền não, thì dù có tu hành thế nào cũng không thể thoát khỏi sanh tử. Bản nguyện được thành lập là vì lòng bi mẫn của Đức Phật A Di Đà dành cho chúng sanh. Mục đích của bản nguyện là để kẻ ác thành Phật, nên kẻ ác tin vào tha lực thì đó là chánh nhân vãng sanh.

Vì vậy Thân Loan Thánh nhân đã nói: “Người hiền còn được vãng sanh, huống chi là kẻ ác.”

Chương Bốn: Hai loại từ bi

Khi nói đến tâm từ bi, nó có sự khác biệt giữa Thánh đạo và Tịnh độ.

Tâm từ bi của Thánh Đạo là tình yêu thương, che chở và nuôi dưỡng muôn loài một cách ân cần. Tuy nhiên, thật quá khó khăn để giúp đỡ ai đó một cách thỏa đáng như mong muốn.

Tâm từ bi của Tịnh Độ là ở sự nhanh chóng thành Phật bằng cách niệm Phật, và làm lợi lạc cho chúng sanh như ý muốn bằng tâm đại từ đại bi.

Cho dù ta có muốn làm điều gì cho ai đó trong cuộc đời này, thừa biết rằng rất là khó để giúp đỡ họ một cách trọn vẹn, nên tâm từ bi của Thánh đạo chỉ là nhất thời và không triệt để.¹⁰

Chỉ có niệm Phật mới là tâm đại từ đại bi chân thật và trọn vẹn.¹¹

Thân Loan Thánh nhân đã nói điều này.

Chương Năm: Lòng hiếu thảo thực sự đối với cha mẹ

Thân Loan tôi chưa bao giờ siêu tiến cha mẹ đã khuất của mình bằng một biến niệm Phật.

Bởi vì tất cả hữu tình từng là cha mẹ và anh chị em vào một thời gian nào đó trong vòng luân hồi, cho nên đời này chúng ta phải được vãng sanh, và đời sau thành Phật, trở lại độ hữu tình.

Nếu niệm Phật là điều thiện mà mình nỗ lực tích lũy, thì tôi cũng có thể cứu giúp cha mẹ tôi bằng cách niệm Phật hồi hướng. Tuy nhiên, tôi không phải là người làm được điều thiện nào cả.

Từ bỏ sự phù phiếm của tự lực làm thiện, và vãng sanh về Tịnh độ để nhanh chóng được khai ngộ, thì chúng ta mới có khả năng sử dụng thần thông và phương tiện để cứu độ hữu tình, bất kể họ đang chìm đắm nghiệp khổ trong sáu đạo và bốn loài.

Thân Loan Thánh nhân đã nói điều này.

¹⁰ Đây là tiếng kêu đau lòng của Thân Loan, Thánh nhân đã rơi nước mắt trước những giới hạn của sự cứu giúp chúng sanh trong cuộc đời này.

¹¹ Có một giải pháp căn bản cho nỗi đau khổ của con người, đó là “Chỉ có niệm Phật mới là tâm đại từ đại bi chân thật và trọn vẹn.”

Chương Sáu: Thân Loan không có một người đệ tử nào

Không nên có chuyện tranh giành, “Đây là đệ tử của tôi, kia là đệ tử của anh,” giữa những người chuyên tu niệm Phật.

“Thân Loan tôi không có một người đệ tử nào cả.”¹²

Nếu chư vị niệm Phật là do lời dạy của tôi, thì có thể tự nhận là đệ tử của tôi. Nhưng sẽ là sai lầm nếu tôi gọi họ là “đệ tử của tôi”, bởi vì họ hành trì niệm Phật được hoàn toàn nhờ gia trì lực của Đức Phật A Di Đà chứ không phải do lời dạy của tôi.

Nếu hữu duyên thì chúng ta ở bên nhau, nếu vô duyên thì chúng ta có thể chia tay. Tuy nhiên, một số người tranh giành đệ tử cho rằng, “Kẻ nào phản bội thầy mình, đi theo người khác mà niệm Phật, sẽ không thể vắng sanh Tịnh độ.” Đây là điều không nên nói.¹³

Với tư duy như vậy, chẳng phải là lấy tín tâm được Đức Phật A Di Đà ban tặng mà làm thành khuôn mặt của mình hay sao? Ngôn hành này không nên xảy ra.

Nếu biết thuận theo quy luật tự nhiên thì phải biết đến ân đức của Phật và cũng phải biết ân đức của thầy.

Thân Loan Thánh nhân đã nói điều này.

Chương Bảy: Nhất đạo vô ngại

¹² Khi Thân Loan Thánh nhân tuyên bố: “Thân Loan tôi không có một đệ tử nào cả”. Điều này dựa trên niềm tin mãnh liệt rằng với sự hiện diện của A Di Đà Như Lai, tất cả chúng sanh đều là huynh đệ, đều là con của Như Lai.

¹³ Về cơ bản, bản chất của con người là cố gắng tụ tập xung quanh những người hấp dẫn hơn, vì vậy mọi người sẽ tham gia hoặc rời đi tùy thuộc vào sức hấp dẫn cá nhân và kỹ năng thuyết giảng của họ. Tuy nhiên, chúng ta không bao giờ được quên sự thật rằng tín tâm không phải là thứ có thể đạt được từ một vị Thầy, mà vĩnh viễn nằm trong bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà.

Niệm Phật là nhất đạo vô ngại.¹⁴

Vì sao nói điều này? Hành giả có tín tâm thì thiên thần, địa kỳ đều kính phục; ma giới, ngoại đạo không thể chướng ngại; tội ác, nghiệp báo cũng không chiêu cảm; chư thiện không thể bắt kịp. Đó là một con đường không chướng ngại.¹⁵

Thân Loan Thánh nhân đã nói điều này.

Chương Tám: Niệm Phật tha lực

Niệm Phật, là đối với “hành” mà nói, nó chẳng phải hành, chẳng phải thiện.

Không đem sở hành của mình mà phân biệt, nên nói ‘chẳng phải hành’. Không lấy điều thiện đã làm mà kể đặc, nên nói ‘chẳng phải thiện’. Đó hoàn toàn là tha lực, bởi vì rời xa tự lực.

Đối với “hành” mà nói, niệm Phật chẳng phải hành, chẳng phải thiện.¹⁶

Thân Loan Thánh nhân đã nói điều này.

¹⁴ Kinh Hoa Nghiêm, No. 278, Phật-đà-bạt-đà-la dịch, quyển 5, tr. 429b19: Nhất thiết vô ngại nhân, nhất đạo xuất sanh tử. (一切無礙人, 一道出生死. Tất cả người vô ngại, Một đạo thoát sanh tử.) Vãng Sanh Luận Chú, quyển hạ nói: “Vô ngại, là biết sanh tử tức niết bàn.”

¹⁵ Biết bao người tự tử, rối loạn tâm thần, đánh mất chính mình, gây ra những sự việc khủng khiếp, liên lụy đến người khác và cuối cùng cũng hủy hoại chính mình. Con người thật yếu đuối. Bằng cách nhận ra rằng mình không đủ mạnh mẽ, hãy ôm lấy bản nguyện vĩ đại của Đức Phật A Di Đà dành cho chúng sanh đầy dẫy phiền não, thì một con đường mới sẽ mở ra cho chúng ta. Hãy xưng niệm “Nam mô A Di Đà Phật” bằng giọng lớn hay nhỏ. “Niệm Phật là nhất đạo vô ngại.” Không còn nghi ngờ gì nữa, sẽ đến ngày chúng ta có thể trải nghiệm thế giới mà Thân Loan Thánh nhân đã cảm nhận.

¹⁶ Giáo Hành Tín Chứng, Hành quyển: “Xưng danh là chánh nghiệp chân diệu tối thắng. Chánh nghiệp là niệm Phật. Niệm Phật thì là ‘Nam mô A Di Đà Phật’. ‘Nam mô A Di Đà Phật’ chính là chánh niệm vậy.” Tín quyển: “Khi suy ngẫm về biển cả ‘đại tín’¹⁶, thì không xét sang hèn tăng tục, không nói nam nữ già trẻ; không hỏi tạo tội nhiều ít, không kể tu hành lâu mới, chẳng hành chẳng thiện, chẳng đốn chẳng tiệm, chẳng định chẳng tán, chẳng chánh quán chẳng tà quán, chẳng hữu niệm chẳng vô niệm, chẳng tầm thường, chẳng lâm chung, chẳng đa niệm chẳng nhất niệm, chỉ là ‘tín lạc’ bất khả tư nghị, bất khả xưng, bất khả thuyết vậy. Giống như thuốc A-già-đà diệt trừ mọi chất độc, thuốc ‘Nhu Lai thệ nguyện’ diệt trừ cái độc hại của trí ngu.”

Chương Chín: Không muốn mau về Tịnh độ

Khi tôi (Duy Viên)¹⁷ hỏi Thân Loan Thánh nhân: “Mặc dù con niệm Phật, nhưng con không cảm thấy hoan hỷ phấn chấn. Hơn nữa, con không muốn vãng sanh Tịnh độ càng sớm càng tốt. Tại sao lại như vậy?”

Ngài trả lời: “Thân Loan tôi từng có nghi vấn này, và Duy Viên Phòng ông cũng có tâm ý tương tự.

Suy nghĩ kỹ, ông nên nhảy múa với trời và đất vì vui mừng, nhưng ông không cảm thấy hoan hỷ. Nên biết, sự vãng sanh là điều chắc chắn. Đàn áp cái tâm để trừ hoan hỷ mà không sanh hoan hỷ là kết quả của phiền não. May mắn thay, Đức Phật đã biết rằng chúng ta là phàm phu đầy đủ phiền não, và bi nguyện cùng tha lực của Phật chính là dành cho chúng ta. Hãy phó thác đời mình cho Phật thì là an tâm hoan hỷ.

Chúng ta không mong muốn được vãng sanh Tịnh Độ càng sớm càng tốt, và nếu có bệnh nhẹ thì lo lắng không biết có chết hay không, điều này cũng là do phiền não gây ra. Có hương khở não mà chúng ta lưu chuyển từ nhiều kiếp lâu xa đến nay lại khó bỏ lại sau lưng, và tôi cũng không muốn bỏ qua Tịnh độ An Dưỡng mà tôi chưa sanh về, dù tôi còn phiền não tràn đầy.

Mặc dù lưu luyến không buông, nhưng một khi Ta Bà duyên tận, khí lực tiêu tan, tôi chắc chắn rằng tôi sẽ vãng sanh Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà.

¹⁷ Duy Viên (唯圓, 1222 – 6 tháng 2 năm 1289), một trong những đệ tử thân cận của Thân Loan trong những năm cuối đời. Ông là thầy của Duy Thiện, cháu trai của Thân Loan. Theo bài Mộ Quy Hội Từ (慕歸繪詞) của Tùng Giác (從覺), con của Giác Như, khi Duy Viên đến Kyoto từ tỉnh Hitachi vào năm 1288 (Chánh Ứng nguyên niên), ông được cho là đã thảo luận rộng rãi các vấn đề liên quan đến giáo nghĩa pháp môn với Giác Như của chùa Bản Nguyên. Tác giả của Thán Dị Sao không rõ, nhưng người ta thường cho rằng nó được viết bởi Duy Viên. Vì sống ở Kawawada (Hà Hòa Điền河和田), tỉnh Hitachi (Thường Lục Quốc常陸國, nay là thành phố Mito, tỉnh Ibaraki) nên ông được gọi là Duy Viên xứ Kawawada. Trong những năm cuối đời, ông thuyết giảng ở Yoshino, tỉnh Yamato và được cho là đã qua đời gần sông Akino (Thu Dã秋野).

Đức Phật A Di Đà đặc biệt thương xót những kẻ đầy phiền não mà không mong muốn vãng sanh Cực Lạc càng sớm càng tốt. Khi nghĩ về điều này, tôi tin chắc rằng đại bi và đại nguyện của Phật là đáng tin cậy và sự vãng sanh đã được Phật quyết định.¹⁸

Đã có cái tâm hoan hỷ phấn chấn, cũng có tâm nguyện muốn vãng sanh Tịnh độ càng sớm càng tốt, trong trường hợp này, chúng ta lại lo rằng mình phải không còn phiền não, để rồi không chắc chắn về sự vãng sanh của mình.”

Thân Loan Thánh nhân đã nói điều này.

Chương Mười: Vô nghĩa niệm Phật

Thân Loan Thánh nhân nói: “Niệm Phật lấy vô nghĩa làm nghĩa, cho nên bất khả xưng, bất khả thuyết, bất khả tư nghị.”¹⁹

Tựa Giữa

¹⁸ Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà đặc biệt thương xót những người không có ý chí mau về Tịnh độ. Đó là lý do tại sao Đại bi và Đại nguyện của Đức Phật A Di Đà cuối cùng là đáng tin cậy, và chúng ta nên nghĩ rằng sự vãng sanh đã được Phật quyết định.

¹⁹ Niệm Phật không đòi hỏi hành giả phát tâm và nỗ lực xuất ly sanh tử, chỉ cần từ bỏ tự lực và quy về tha lực bất khả tư nghị của Đức Phật A Di Đà, nương bản nguyện và ân đức của Phật, được sanh Báo độ chân thật. Điều này nghe có vẻ phi lý, nhưng trong sự phi lý bề ngoài đó có một sự thật vượt qua mọi lý trí. Bởi vì sự chân thật của danh hiệu siêu việt mọi mô tả, siêu việt mọi ngôn từ và siêu việt sự hiểu biết.

“Vô nghĩa làm nghĩa”, tức xả tự lực quy tha lực. Vô nghĩa, là cái tâm kế đặc của phàm phu. Nghĩa, là bản nguyện của Như Lai. Tam Thiếp Hòa Tán ghi: “Hễ là người của Thánh đạo môn, Đều lấy tự lực tâm làm gốc, Nếu nhập tha lực bất tư nghị, Tin biết lấy vô nghĩa làm nghĩa.” Mật Đăng Sao chép: “Thánh nhân nói, tha lực lấy vô nghĩa làm nghĩa. Nghĩa, là từ ngữ ‘kế đặc’ (nghĩ bàn). Sự kế đặc của hành giả là tự lực, cho nên nói ‘nghĩa’. Tha lực là tin ưa bản nguyện, sự vãng sanh là điều chắc chắn, đó là vô nghĩa.” “Xưng niệm danh hiệu Phật, Bồ tát khác; tu hành thiện căn khác, trông cậy tự thân qua cái tâm kế đặc của mình, trang sức tự thân với cái ý tán loạn, tưởng rằng thuận lợi cho sự vãng sanh Tịnh độ, đây gọi là tự lực.”

Chuyện kể rằng, khi Thánh nhân còn tại thế, những đồ chúng chí đồng đạo họp ở rất xa về đến Kinh đô để trực tiếp lắng nghe giáo pháp từ Thánh nhân. Họ tin nhận giáo huấn của Thánh nhân không chút dè dặt, và vui mừng mong được vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc ở đời sau. Nhiều năm trôi qua, có vô số người, già cũng như trẻ, đi theo những vị này để thực hành niệm Phật. Tuy nhiên, gần đây có tin đồn rằng, trong số những vị này đã có những dị thuyết đi ngược lại giáo huấn của Thánh nhân.

Tôi muốn trình bày những dị thuyết, không có căn cứ ở những chương sau.

Chương Mười Một: Thệ nguyện và danh hiệu bất nhị

Những người Niệm Phật mà không biết một chữ cái được hỏi: “Ông tin vào thệ nguyện bất tư nghị mà niệm Phật, hay ông tin vào danh hiệu bất tư nghị mà niệm Phật?”²⁰

Những lời dọa nạt mà không giải thích rõ ràng về hai sự bất tư nghị này chỉ khiến người ta thêm bối rối. Đây là điều phải hết sức lưu ý và suy xét.

Thứ nhất, nhờ có thệ nguyện bất tư nghị mà có danh hiệu dễ trì, dễ tụng, và Đức Phật tuyên bố ai niệm danh hiệu này sẽ được tiếp dẫn về Báo độ chân thật.²¹ Trước hết, đại bi và đại nguyện của Đức Phật A Di Đà là bất tư nghị, chắc chắn sẽ cứu chúng ta thoát khỏi sanh tử. Niệm Phật với niềm tin như vậy là kết quả của Như Lai hồi hướng, không xen lẫn kế đặc nào của mình. Thế nên, niệm Phật tương ứng với bản nguyện thì được vãng sanh Báo độ chân thật. Đây là người chuyên tin vào thệ nguyện bất tư nghị. Người ấy còn trang bị đủ danh hiệu bất tư nghị nữa.

²⁰ Đây là dị thuyết "Thệ danh biệt tín" (誓名別信). Bản nguyện và danh hiệu vốn là nhất thể. Một số người dùng tri kiến của mình để tách chúng ra. Họ cho rằng những người tin vào thệ nguyện bất tư nghị mà niệm Phật có thể vãng sanh, nhưng những người tin vào danh hiệu bất tư nghị mà niệm Phật thì không thể vãng sanh.

²¹ Tin vào thệ nguyện bất tư nghị, lấy đây làm trung tâm, thì danh hiệu bất tư nghị cũng tự nhiên đi kèm.

Như vậy, thệ nguyện và danh hiệu đều là bất tư nghị, chúng vốn là nhất thể, không có cái nghĩa nào khác.

Thứ hai, xem hai mặt thiện và ác theo sự kế đặc của mình và coi chúng như là sự trợ giúp hay sự chướng ngại cho sự vãng sanh. Đem sự vãng sanh chia chẻ làm hai, người này sẽ không nương nhờ bản nguyện mà chỉ ý vào sự kế đặc của mình, bỏ đi tư lương tích lũy cho sự vãng sanh, nên cái gọi là niệm Phật cũng thành sự thực hành của chính mình. Người như vậy tự nhiên không tin vào danh hiệu bất tư nghị. Ngay cả không tin, người này vẫn có thể vãng sanh Biên địa giải nạn, Nghi thành thai cung bởi thệ nguyện “quả toại” (nguyện thứ 20)²², cuối cùng được vãng sanh Báo độ. Đây là năng lực của danh hiệu bất tư nghị, cũng là nguyên do của thệ nguyện bất tư nghị. Vì lẽ đó, thệ nguyện và danh hiệu chỉ là nhất thể.²³

Chương Mười Hai: Chúng ta có được cứu độ nếu không học hỏi?

Có thuyết cho rằng, người không đọc, không học kinh điển và những chú sớ thì không chắc chắn vãng sanh. Dị thuyết này cũng không đáng nhắc tới.

Các Thánh giáo nói về giáo nghĩa chân thật của tha lực (kinh điển và tác phẩm của bảy vị cao Tăng và Tổ sư) chủ yếu là dạy người ta tin vào bản nguyện, niệm Phật thành Phật. Những gì khác có thể được học hỏi để làm chìa khóa cho sự vãng sanh?

²² Biên địa tức là Nghi thành, Thai cung nói trong kinh Vô Lượng Thọ, là nơi của những người tự lực niệm Phật được sinh tới, đúng với điều nguyện thứ 20 của đức Phật A Di Đà. Nguyện thứ 20: "Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, chuyên nhớ nước tôi, trồng những cội công đức, chí tâm hồi hướng muốn sanh về nước tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác."

²³ Thệ nguyện mà không có danh hiệu sẽ trở thành một lý thuyết, ý tưởng không có “thực hành”, và danh hiệu mà không có thệ nguyện sẽ chỉ là một “câu chú”.

Những ai không hiểu rõ đạo lý này nên chăm chỉ học hỏi để biết tông chỉ của bản nguyện. Tuy nhiên, mặc dù một người đọc kinh điển và học chú sớ mà vẫn không hiểu được bản ý của Thánh giáo, điều đó thật bi thảm.

Người không biết một chữ và không hiểu đạo lý của kinh điển chú sớ vẫn có thể dễ dàng xưng niệm danh hiệu, cho nên gọi là Di hành đạo. Lấy việc học vấn làm trọng, đây là Thánh đạo môn, được gọi là Nan hành đạo. Không có văn bản nào cho thấy điều gì sẽ xảy ra với những người lạc lối trong học tập và lang thang giữa danh lợi, và kết quả của sự vãng sanh của họ sau khi qua đời là gì?

Lúc bấy giờ, người chuyên tu niệm Phật và người theo Thánh đạo môn tranh luận với nhau rằng, “Giáo pháp của tôi là cao siêu và giáo pháp khác là thấp kém.” Bằng cách này, xuất hiện những kẻ thù của giáo pháp, đưa đến sự phỉ báng giáo pháp. Nếu nói năng theo cách này, chẳng phải là đang phỉ báng giáo pháp của chính mình sao?

Cho dù tất cả các tông phái đều nhất trí rằng, “Niệm Phật chỉ thiết lập cho những người vô năng, pháp môn này nông cạn và thấp kém”, chúng ta cũng không thể tranh biện với điều đó, mà chỉ biết: “Chúng ta là những phàm phu hạ căn, những người không hiểu một chữ, nhưng chúng ta chỉ tín thuận gốc ngọn sanh khởi của Phật nguyện. Đối với những người thượng căn thì đây là một pháp môn thấp kém, nhưng đối với chúng ta, đó là diệu pháp vô thượng. Cho dù những giáo pháp khác ngoài Niệm Phật có thù thắng đến đâu, nếu chúng không tương thích với khí lượng của mình thì tu tập cũng khó thành tựu. Mình và người đều có thể thoát khỏi sanh tử mới là bản ý của chư Phật, vì vậy đừng có cản trở.” Nếu ta không đáp lại bằng sự tức giận, ai sẽ đến để gây thù hận với ta? Hơn nữa, có lời rằng, ở đâu có tranh chấp thì ở đó có phiền não, người có trí nên tránh xa.

Thân Loan Thánh nhân nói: “Có chúng sanh tin vào Pháp này, cũng có chúng sanh hủy báng Pháp này. Đức Phật đã nói đến điều này. Bằng cách này, tôi đã phát khởi tín tâm, nhưng có người đến phỉ báng tôi, nên tôi biết những gì Đức

Phật nói là chân thật. Bởi vì sự vãng sanh là điều chắc chắn, nếu không có người phỉ báng mà chỉ có người tin tưởng thì người ta sẽ thắc mắc tại sao không có người phỉ báng. Nói là như vậy, nhưng không nhất thiết phải bị người khác phỉ báng. Đức Phật dự báo trước về đạo lý có hai hạng người phỉ báng và tin tưởng là để không ai còn nghi ngờ²⁴.”

Trong thế giới ngày nay, một học giả có ý định không từ bỏ người phỉ báng được không? Các vị có trở thành một chuyên gia tập trung vào thảo luận và hỏi đáp chưa?

Nếu là một học giả chân chính, các vị nên biết bản ý của Như Lai, cũng biết bi nguyện quảng đại của Phật. Giá trị của một người học trò (học giả, người có học vấn) là có thể dạy cho những người hoài nghi liệu họ có được vãng sanh do tội ác sâu nặng của mình, rằng không có sự khác biệt giữa thiện và ác, tịnh và uế trong giáo pháp “bản nguyện”.

Những kẻ dùng lời lẽ để hù dọa những người niệm Phật - những người tương ứng bản nguyện trong vô thức - nói rằng họ phải học tập mới có thể được vãng sanh, v.v...; những người như vậy là ma chướng đối với Pháp, và là oán địch của Phật. Các vị không chỉ thiếu sót tín tâm vào tha lực, mà còn hướng dẫn sai lầm với người khác. Hãy thận trọng và không sợ hãi, đừng vi phạm giáo huấn của tiên sư (Thân Loan Thánh nhân). Xa rời bản nguyện của Đức Phật A Di Đà là điều bi thảm nhất.

Chương Mười Ba: Bản nguyện không thể cứu độ

²⁴ Khi nghe ai đó nói rằng Niệm Phật là một pháp môn thấp kém, tâm người đó sẽ dao động và nghi ngờ trí tuệ của Đức Phật.

Có thuyết cho rằng, những ai nương vào bản nguyện bất khả tư nghị của Đức Phật A Di Đà mà gây tạo điều ác thì sẽ không được vãng sanh. Trong chương này, nếu hoài nghi về bản nguyện thì chắc chắn chưa hiểu nghiệp thiện ác đời quá khứ.

Sự sanh khởi thiện tâm cũng là kết quả của nghiệp thiện trong quá khứ; sự kết hợp với điều ác cũng là kết quả của nghiệp ác trong quá khứ. Cho nên Thân Loan Thánh nhân nói: “Nên biết, không có tội lỗi nào nhỏ như hạt bụi trên đầu lông thỏ mà không phải là nghiệp quá khứ.”

Một ngày nọ, Thánh nhân hỏi tôi, “Duy Viên Phòng, ông có tin tất cả những gì tôi nói không?”

Tôi trả lời, “Dạ có, con tin tất cả.”

“Vậy thì ông sẽ không làm trái những gì tôi nói chứ?” Khi Thánh nhân hỏi đi hỏi lại, tôi kính cẩn gật đầu.

Thánh nhân nói, “Giả sử tôi nói, đi giết một ngàn người, ông sẽ được vãng sanh.”

Tôi liền đáp rằng, “Mặc dù những gì Thầy nói, nhưng con không thể giết chết dù chỉ một người với khí lượng của con.”

“Vừa rồi không phải ông nói rằng, bất kể Thân Loan tôi nói gì, ông đều không làm trái hay sao? Từ đó chúng ta thấy, nếu mọi việc cứ để cho tâm trí quyết định, khi nghe nói giết một ngàn người được vãng sanh, thì người ta có thể đi giết người. Tuy nhiên, nếu không có nghiệp duyên lôi kéo thì không thể làm hại dù chỉ một người. Thế nên, không phải vì có tâm thiện mà người ta không sát sanh. Dù không có ý hại ai, nhưng khi nghiệp duyên chín muồi, người ta sẽ giết hàng trăm, thậm chí hàng ngàn người.”

Thánh nhân có ý nhắc nhở tôi, “Đừng nghĩ rằng chúng ta có tâm thiện là thiện, có tâm ác là ác, mà không nhận ra rằng chúng ta luôn được cứu độ bởi thể nguyện bất tư nghị.”

Trước kia có những người rơi vào tà kiến cho rằng, bản nguyện của Đức Phật A Di Đà là cứu độ chúng sanh đã tạo ác nghiệp, nên cố tình làm điều ác mà họ thích và nói, “Đây là chánh nghiệp vãng sanh.” Khi tà kiến này trở nên phổ biến, Thân Loan Thánh nhân đã cảnh báo trong một bức thư, “Đừng có uống thuốc độc chỉ vì có thuốc giải hiệu nghiệm.” Câu này nhằm phá bỏ tà tri, tà kiến, chứ không nói rằng điều ác là chướng ngại cho sự vãng sanh.

Nếu chỉ có người nghiêm trì giới luật mới có khả năng tin vào bản nguyện, thì chúng ta đâu thể thoát khỏi sanh tử nếu không thể giữ giới? Sự thật là, ngay cả những chúng sanh tội nghiệp sâu nặng như chúng ta cũng có thể được cứu độ nếu chúng ta biết nương tựa vào bản nguyện.

Dù vậy, một người chưa hề phạm ác nghiệp làm sao có thể cố tình gây tạo ác nghiệp? Thánh nhân còn nói, “Những người kiếm sống bằng nghề kéo lưới, đánh bả cá trên sông biển; những người ở đồng ruộng và miền núi sống bằng nghề săn bắn chim thú; những người tham gia kinh doanh và trồng trọt ruộng vườn, hết thảy đều giống nhau ở chỗ họ bị buộc phải làm những công việc khác nhau theo nghiệp lực của mình.”

Thánh nhân nói: “Khi nghiệp duyên có mặt thì bất cứ sự gì cũng có thể xảy ra.” Tuy nhiên, trong thế giới ngày nay, có những người cho mình là cao thượng, cho rằng chỉ có người thiện lành mới có thể niệm Phật, dán yết thị bên trong đạo tràng, "Bất cứ ai đã làm điều này, điều kia đều không được phép vào đạo tràng này." Những loại người như thế, bề ngoài đều hiện tướng hiền thiện, tinh tiến, khó nói nội tâm của họ chứa đựng sự giả dối sao?

Những tội đã làm do dựa vào sự ưu ái của bản nguyện cũng là do nghiệp quá khứ gây ra. Vì vậy, việc thiện cũng tốt, việc ác cũng tốt, nhưng tất cả đều phải chịu quả báo tùy theo duyên và nghiệp. Tin cậy hoàn toàn vào bản nguyện, đó chính là tha lực cứu độ.

Duy Tín Sao cũng đề cập, "Chớ nói cái thân tội nghiệp khó được cứu độ, có biết sức oai thần của Đức Phật A Di Đà như thế nào không!" Đừng sợ hãi khi bị nghiệp lực buộc phải phạm tội. Chỉ có niềm tin vào bản nguyện bất tư nghị thì không một tội ác nào có thể chướng ngại được. Từ đó tín tâm có thể được xác quyết một cách vững chắc.

Nếu đoạn trừ hoàn toàn mọi ác nghiệp, phiền não rồi mới tin vào bản nguyện thì sẽ không cảm nhận được ân phước của bản nguyện. Lại nữa, nếu đoạn trừ hoàn toàn mọi ác nghiệp, phiền não thì là đã thành Phật rồi, vậy nỗ lực của Đức Phật A Di Đà trong “năm kiếp tư duy” chẳng phải là vô ích sao?

Những người khuyên nhủ người khác rằng không nên dựa vào bản nguyện và tự tin làm điều ác, thì bản thân những người đó đầy đủ phiền não bất tịnh. Vậy chẳng phải chính họ cũng đang thừa nhận bản nguyện sao? Liệu họ có thể được cứu độ nếu không tuân theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà?

Nếu các vị nói, “Bản nguyện ‘ác nhân chánh cơ’ là người ác sẽ được cứu dù họ làm điều ác gì đi nữa”, vậy thì loại tội ác nào được coi là “bản nguyện kiêu”²⁵, và loại tội ác nào không phải? Nói như thế không phải nghe có vẻ ngây ngô sao?

Chương Mười Bốn: Chỉ niệm Phật có được vãng sanh Cực Lạc?

Một thuyết cho rằng “Một niệm có thể tiêu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội.”²⁶ Chương này nói về người mang tội thập ác, ngũ nghịch, bình thường không

²⁵ Chúng sanh nương tựa vào ân huệ mà kiêu ngạo, giống như những đứa trẻ bình thường nương tựa vào tình thương của cha mẹ mà kiêu ngạo; tương tự như vậy, người niệm Phật không xấu hổ khi nương tựa vào lòng từ bi của Đức Phật A Di Đà, đây cũng là nương tựa ân huệ mà kiêu ngạo, nên được gọi là “bản nguyện kiêu”.

²⁶ Kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật (佛說觀無量壽佛經), No. 365, Cương Lương Da Xá dịch: “Này A Nan, ông hãy thọ trì lời Phật dạy, vì tất cả chúng sanh ở đời vị lai muốn thoát khỏi khổ mà nói pháp quán tưởng về đất. Nếu ai quán tưởng về đất ấy thì trừ diệt tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp, bỏ thân hiện tại, đời khác chắc chắn sanh về tịnh quốc, tâm không còn nghi ngờ.” (tr. 342a26) “Lúc sắp qua đời, các lửa địa ngục đồng thời hiện đến. Tuy nhiên, may mắn người ấy gặp được thiện tri thức với tâm từ bi rộng lớn, ca ngợi oai đức mười lực của Đức

niệm Phật, khi mạng chung được thiện tri thức hướng dẫn, niệm Phật một tiếng (một niệm) sẽ tiêu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội. Nếu niệm Phật mười tiếng (mười niệm) sẽ tiêu diệt tám trăm ức kiếp trọng tội thì được vãng sanh. Đây là để cho chúng sanh biết được mức độ nhẹ nặng của thập ác, ngũ nghịch mà nói một niệm, mười niệm. Mục đích nhằm nói rằng, niệm Phật có lợi ích tiêu trừ tội lỗi. Chúng tôi không tin nhận thuyết này.

Lý do là, nhờ được quang minh của Đức Phật A Di Đà soi chiếu nên khi một niệm phát khởi, chúng ta tiếp nhận được tín tâm kim cương và được nhiếp vào địa vị chánh định tụ. Vì vậy, một khi mạng sống kết thúc, [người ở địa vị chánh định tụ] lập tức chuyển hóa những phiền não và ác chướng, tỏ ngộ Vô sanh pháp nhẫn. Nếu không có tâm nguyện từ bi này thì làm sao những kẻ tội lỗi với nghiệp chướng sâu nặng như chúng ta có thể thoát khỏi sanh tử? Nghĩ đến đây, cái gọi là xưng niệm A Di Đà Phật trọn một đời này đều là để báo đáp ân đức đại bi của Như Lai.²⁷ Những người tin rằng mỗi lần niệm Phật sẽ tiêu trừ tội lỗi, họ đang dùng sự nỗ lực của chính mình để tiêu trừ tội lỗi và gắng cầu vãng sanh. Nếu như vậy thì mọi tâm tư, niệm tưởng khởi lên trong đời người đều gắn liền với sự sanh tử lưu chuyển, để rồi cho đến cuối đời, người ta phải niệm Phật không thoái lui (liên tục) mới được vãng sanh.

Tuy nhiên, mỗi người đều có nghiệp báo, bất cứ điều gì bất ngờ đều có thể xảy ra, như bệnh tật khổ sở, rồi mạng chung mà không có chánh niệm, không cách

Phật A Di Đà, ca ngợi thần lực của ánh sáng Phật ấy, cũng ca ngợi giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Người ấy nghe rồi sanh tâm vui mừng nên diệt trừ được tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Lửa dữ địa ngục biến thành gió mát thổi hoa chư thiên đến, trên hoa đều có Phật và Bồ tát đến đón người ấy.” (tr. 346a02) “Có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện, năm tội ngũ nghịch, mười việc ác. Người ngu si ấy do nghiệp ác nên chắc chắn rơi vào đường ác, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Tuy nhiên, lúc sắp qua đời, người này gặp được thiện tri thức, dùng lời an ủi và thuyết pháp vi diệu, dạy cho niệm Phật, nhưng do bị khổ làm đau đớn không thể niệm được. Thiện tri thức bảo: ‘Nếu người không thể niệm Phật thì nên xưng danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ, phải chí tâm khiếm thanh không ngừng, đủ mười niệm: Nam mô A Di Đà Phật. Nhờ xưng danh hiệu Phật mà trong mỗi niệm diệt trừ tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Lúc qua đời thấy hoa sen bằng vàng như mặt trời ở trước người đó. Chỉ trong một niệm liền sanh về thế giới Cực Lạc, ở trong hoa sen.’ (346a15)

²⁷ Hành giả chân thật niệm Phật chính vì báo đáp ơn Phật mà niệm Phật, chứ không phải tiêu diệt tội lỗi mà niệm Phật.

nào niệm Phật. Làm thế nào chúng ta có thể loại bỏ tội lỗi ở giai đoạn này? Nếu tội lỗi không được tiêu trừ thì chẳng phải là không thể vãng sanh sao?

Những người tin nhận bản nguyện “nhiếp thủ bất xả” thì bất kể họ gặp phải nghiệp duyên bất ngờ nào và bị dẫn đến tạo nghiệp, hoặc chết mà không niệm Phật được, thì họ cũng nhanh chóng được vãng sanh.

Người ta có thể niệm Phật lúc lâm chung, đó là vì, vào thời khắc tiếp cận vãng sanh Tịnh độ và khai ngộ, tự nhiên càng thêm tin tưởng Đức Phật A Di Đà, báo đáp ơn Phật bằng cách niệm Phật.

Ý tưởng “niệm Phật diệt tội” là tâm lý tự lực. Loại người này luôn mong cầu có được chánh niệm khi lâm chung, bởi vì họ không có tín tâm nơi tha lực.

Chương Mười Lăm: Có thể đắc Phật quả ở thế gian không?

Một số người nói rằng, với cái thân đầy dẫy phiền não tội nghiệp, người ta cũng có thể đạt được giác ngộ viên mãn trong đời này. Đây là lời nói không có căn cứ và vô trách nhiệm.

“Tức thân thành Phật”²⁸ là bản ý của Chân ngôn Mật giáo, là sự chứng quả của tam mật hành nghiệp.

²⁸ Tức thân thành Phật (即身成佛, Sokushinjōbutsu): theo lý tưởng tôn giáo của Mật Giáo, trong khi đang còn sống, người ta lấy ngay thân đang còn sống này mà đạt đến cảnh địa thành Phật, hoặc có khả năng thành Phật. Trong lập trường căn bản của đức Phật, lý tưởng tôn giáo của Phật Giáo là xuất gia, nhờ kiên trì phạm hạnh suốt đời mà thoát khỏi thế giới luân hồi và quy nguyện về cõi Niết Bàn. Tuy nhiên, chủ nghĩa xuất gia cấm dục nghiêm minh này không phải là chủ nghĩa cho hầu hết mọi người ai cũng có thể kham nhẫn được, nên từ đó với ý nghĩa nào đó sự vận động của Phật Giáo Đại Thừa nhằm khẳng định cuộc sống hiện thế của con người bắt đầu hưng khởi. Các tín đồ Đại Thừa đã giải thích rằng cuộc đời luân hồi mãi mãi trong quá khứ của chính bản thân đức Phật là điều tất yếu để thành Phật, lấy cảnh địa thành Phật giống như đức Phật làm lý tưởng tôn giáo. Nếu như hướng đến lý tưởng xa xăm ấy mà tu chính cuộc sống hiện tại, thì có thể đạt đến cảnh địa thành Phật kia; và từ đó hình thành nên lý niệm Đại Thừa gọi là mài luyện trí tuệ, thực hành hạnh lợi tha của từ bi và tích lũy hạnh Bồ Tát trải qua trong ba kiếp. Tuy nhiên, đến thời kỳ Phật Giáo thối triêu, những người mà không thể kham nhẫn được quan niệm thời gian lâu dài ba kiếp ấy, đã bị lôi cuốn theo bởi quan niệm thời gian gọi là trong khoảng còn sống hiện tại, rồi quên bẵng đi điểm chính yếu mà mình đang hướng đến Niết Bàn và tạo dựng nên phương hướng đạt đến thành Phật trong khoảng thời gian ấy. Rồi trong Kim Cang Đảnh Kinh (金剛頂經), hành vi tượng trưng gọi là tụng

“Lục căn thanh tịnh”²⁹ là giáo thuyết của Pháp Hoa Nhất thừa³⁰, tu bốn hạnh An lạc thì cảm được công đức.

Đây đều là sự tu hành của nan hành thượng căn, là sự chứng ngộ của quán niệm thành tựu. Sự giác ngộ ở đời sau là tông chỉ của Tha lực Tịnh độ, là đạo lý của tín tâm quyết định. Đây là sự tu hành của dị hành hạ căn, không xem xét thiện pháp hay ác pháp.

Đại khái mà nói, việc đoạn trừ phiền não và ác nghiệp ở đời này là điều vô cùng khó khăn, vì thế, những Tăng sĩ thanh tịnh thực hành Mật chú và thọ trì Pháp hoa đều mong cầu nguyện sự giác ngộ ở đời sau. Huống chi chúng ta không có giới hạnh, cũng không có tuệ giải, chỉ có thể ngồi thuyền đại nguyện A Di Đà vượt qua biển khổ sanh tử. Ngay khi đến bờ bên kia Báo độ, mây đen phiền não liền tan và trăng giác Pháp tánh xuất hiện, trở thành một thể với ánh sáng vô ngại chiếu khắp mười phương, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đây mới là giác ngộ.

chơn ngôn phát bồ đề tâm thay cho quá trình tịnh hóa bồ đề tâm trong ba kiếp được đưa ra, và từ đó Mật Giáo được thành lập. Sau đó, Phật Giáo Tantra triển khai và quy kết về hành pháp gọi là tuần lễ các Thánh địa làm mục tiêu cho cả một đời. Ở đây các tín đồ Mật Giáo, với hình thức vượt qua ý thức của chính bản thân mình từ việc trở về lại nguyên tắc ban sơ của đức Phật, đã thể hiện sự bất thành lập việc cấu tướng Tứ Thân Thành Phật này. Đối với Nhật Bản, người ta dựa trên cơ sở Tứ Thân Thành Phật này mà thực hành pháp môn đoạn thực, không ăn cho đến chết, rồi để cho thân thể trở thành như xác ướp. Như vậy được gọi là Phật sống mà được sùng bái từ thời kỳ Bình An trở đi. Các hành giả của Chơn Ngôn Tông đã tiến hành không ăn với tất cả ý chí của mình trong khoảng thời gian còn sanh tiền và sùng bái việc biến thành xác ướp như là Tứ Thân Phật. Việc sùng bái này đã được truyền từ Trung Quốc sang Đài Loan.

²⁹ Lục căn thanh tịnh (六根清淨): Cũng gọi Lục căn tịnh. Tức là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều thanh tịnh không bị nhiễm ô. Tông Thiên Thai nói, giai vị Thập tín của Biệt giáo là Lục căn thanh tịnh vị. Còn phẩm Pháp Sư trong Pháp Hoa thì bảo, tu năm hạnh như: Thọ trì, đọc, tụng, giải thuyết, viết chép kinh điển thì có thể nương theo năng lực của kinh điển mà khiến cho sáu căn được thanh tịnh. Kinh Pháp Hoa, phẩm Bồ tát Thường Bất Khinh: “Lúc đời sống sắp kết thúc, từ trong không gian, tỷ kheo bồ tát Thường Bất Khinh được nghe đầy đủ về kinh Pháp Hoa mà đức Oai Âm Vương Như Lai đã tuyên thuyết, gồm có hai mươi ngàn vạn ức bài kệ mà ngài vẫn tiếp nhận và kính giữ được cả. Và tức thì được mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu căn trong suốt như Như Lai mới nói ở trước. Được như vậy rồi, đời sống của tỷ kheo bồ tát Thường Bất Khinh tăng lên hai trăm vạn ức trăm triệu năm nữa, diễn giảng cho mọi người một cách phong phú về kinh Pháp hoa.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

³⁰ Pháp Hoa Nhất thừa (法華一乘): Chỉ cho giáo pháp Nhất thừa chân thật nói trong kinh Pháp Hoa. Cứ theo sự phán giáo của tông Thiên Thai thì chỉ có Nhất thừa giáo của kinh Pháp Hoa mới là giáo pháp rốt ráo, còn Tam thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát chỉ là giáo pháp phương tiện giả lập tạm thời, nhằm mục đích làm nổi bật giáo lý Nhất thừa chân thật mà thôi. Do đó, tông Thiên Thai chủ trương chỉ sau khi nghe kinh Pháp Hoa mới biết được là Tam thừa hòa nhập với Nhất thừa. Phẩm Phương Tiện, kinh Pháp Hoa (Đại 9, 8 thượng) nói: “Chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba.”

Cái thân giác ngộ ở đời này, liệu có thể giống như Đức Thích Ca Mâu Ni, thị hiện nhiều loại ứng hóa thân, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp tùy hình, thuyết pháp lợi ích cho tất cả chúng sanh? Chỉ khi nào làm được điều này mới được coi là đã giác ngộ ở đời này.

Tịnh Độ Hòa Tán ghi:

“Kim cương tín tâm thật kiên cố
Chờ được tâm này quyết định thời
Di Đà tâm quang luôn nhiếp hộ
Dứt hẳn sanh tử thoát luân hồi.” (Quán Kinh Tán, 77)

Tín tâm quyết định thời, nghĩa là một khi được nhiếp thủ thì không bao giờ bị bỏ rơi, và sẽ không còn luân hồi trong sáu cõi nữa. Vì vậy, có thể vĩnh viễn rời xa sự sanh tử, tại sao sự lãnh giải như vậy lại được mô tả là sự giác ngộ? Chẳng phải thực sự đáng thương sao?

“Tịnh độ Chân tông, là tín thuận bản nguyện ở đời này, và vãng sanh cõi kia mới giác ngộ thành Phật.” Đây là những gì Thân Loan Thánh nhân đã nói.

Chương Mười Sáu: Có cần sám hối tội lỗi để tự cứu?

Có người cho rằng, hành giả tín tâm tự nhiên sẽ tức giận, làm điều xấu, phát sanh cãi vã với bằng hữu, đồng hành và họ phải thay đổi suy nghĩ vào lúc này. Chương này chẳng phải là tâm tư đoạn ác, tu thiện hay sao?

Người nhất hướng chuyên tu niệm Phật sẽ chỉ hồi tâm một lần mà thôi. Hồi tâm, nghĩa là người bình sanh không biết gì về bản nguyện tha lực chân tông, bỗng tin nhận được trí tuệ của Đức Phật A Di Đà, biết rằng mình không có cách nào vãng sanh nếu cứ sống với tâm thái trước kia, bèn buông bỏ tâm lý tự lực xưa nay để nương tựa Đức Phật A Di Đà, đây gọi là hồi tâm.

Trong mọi sinh hoạt hằng ngày, hành giả phải sáng chiều hồi tâm thì mới có thể vãng sanh. Đời sống con người là vô thường, hít vào mà không thở ra thì đã qua đời khác. Nếu chết trước khi biết hồi tâm thì không phải là quá trễ để nghĩ đến “nhu hòa nhẫn nhục”³¹, và chẳng phải là thệ nguyện “nhiếp thủ bất xả” trở nên uổng phí sao?

Ngoài miệng nói rằng tin tưởng vào nguyện lực, nhưng trong tâm lại nghĩ, “Cho dù thệ nguyện ‘cứu độ kẻ ác’ có bất tư nghị đến đâu, chỉ có người thiện mới được cứu độ phải không?” Những người hoài nghi nguyện lực, còn tâm ý nương tựa tha lực, thì chỉ có thể vãng sanh biên địa. Thật là đáng tiếc cho suy nghĩ này.

Một khi tín tâm đã xác quyết thì sự vãng sanh tự có Đức Phật A Di Đà an bài, cho nên chúng ta không cần phải bận tâm lo nghĩ. Cứ việc còn những tập khí không tốt, nhưng càng ngày tin nhận và nương tựa bản nguyện, thì tâm nhu hòa nhẫn nhục cũng sanh khởi một cách tự nhiên.

Bất kể có chuyện gì xảy ra, sự vãng sanh không cần phải khôn vặt, chỉ cần nhớ đến ân đức sâu nặng của Đức Phật A Di Đà là có thể niệm Phật, đó là điều đương nhiên.

Không có suy nghĩ tính toán của mình thì gọi là tự nhiên, đây là tha lực.

Tôi nghe nói, một số người cho rằng mình thông minh đã phủ nhận ý nghĩa thực sự của “tự nhiên” và muốn đưa ra lời giải thích khác. Những người như vậy thực sự rất nông cạn và đáng thương.

Chương Mười Bảy: Đền Hóa độ vẫn rơi vào địa ngục

³¹ Kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư: “Đại từ bi là nhà, Áo nhu hòa nhẫn nhục, Các pháp Không làm tòa, Ở nơi ấy thuyết pháp.”

Có người cho rằng, người vãng sanh biên địa cuối cùng vẫn sẽ rơi vào địa ngục. Có ghi chép như vậy trong kinh điển không? Điều vô cùng đáng tiếc là lập luận như vậy lại đến từ một số học giả giả mạo. Tôi rất nghi ngờ liệu họ có thực sự hiểu những lời dạy trong kinh điển hay không?

Điều tôi học được là thế này: Hành giả khiêm khuyết tín tâm sẽ vãng sanh nơi biên địa, bởi vì hoài nghi bản nguyện; sau khi trả xong tội nghi ngờ, họ sẽ được đưa về Báo độ chân thật và đạt được giác ngộ tối thượng. Hành giả có tín tâm thì hiếm hoi, nên đa phần sanh về Hóa độ, đây vốn là phương tiện khổ tâm mà Đức Phật dùng để cứu độ chúng sanh. Nói rằng vãng sanh Hóa độ rốt cuộc không có kết quả, chẳng phải là nói Như Lai vọng ngữ sao?

Chương Mười Tám: Bồ thí nhiều sẽ thành Phật lớn

Có người nói rằng, trong giáo pháp của Phật, dựa vào sự bố thí tài vật nhiều ít mà một vị thành Phật ở Tịnh độ có tầm vóc lớn nhỏ. Điều này cực kỳ lỗi bịch và không có ý nghĩa.

Trước hết, xác định phân lượng của Phật có lớn nhỏ, làm sao có sự thể như vậy? Kinh điển nói giáo chủ của Tịnh độ An Dưỡng là Đức Phật A Di Đà có thân lượng, đó là thân tướng của Báo thân phương tiện.

Đức Phật Pháp thân không có hình trạng dài ngắn, vuông tròn, cũng tách rời nhan sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, vậy dùng tiêu chuẩn nào để xác định phân lượng của Phật?

Quán tưởng niệm Phật sẽ thấy Hóa Phật, nên Kinh Đại Tập nói, “Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ.” Cái gọi là Phật lớn, Phật nhỏ có lẽ bắt nguồn từ việc hiểu sai ý kinh ở đây.³²

Khi nói đến việc thực hành bố thí ba la mật, cho dù hiến cúng nhiều ít vật báu trước mặt Đức Phật hay hiến cúng các bậc Thầy nhiều ít đi chăng nữa, nếu mà khiếm khuyết tín tâm thì việc bố thí đó hoàn toàn vô nghĩa. Ngay cả khi không có nửa đồng tiền để bố thí, người luôn nhớ nghĩ đến tha lực, đầy đủ tín tâm, thì phù hợp bản ý của thế nguyện vậy.

Suy cho cùng, đủ loại dị thuyết xuất hiện chỉ là để thỏa mãn dục vọng thế tục, chúng mượn danh nghĩa Phật pháp để hù dọa bằng hữu, tín đồ mà thôi.

Tựa Sau

Những sai lầm được thảo luận trong chương 11 đến chương 18 có phải xuất phát từ tín tâm khác biệt với Thân Loan Thánh nhân không?

Thân Loan Thánh nhân kể: Khi Pháp Nhiên Thượng nhân còn tại thế, trong số rất nhiều đệ tử, ít người có cùng tín tâm, cho nên giữa Thân Loan và các sư huynh đệ đồng môn xảy ra tranh luận.

Nguyên nhân tranh luận từ chỗ Thân Loan nói: “Tín tâm của Thiện Tín (Thân Loan Thánh nhân) cũng giống như tín tâm của Thượng nhân (Pháp Nhiên Thượng nhân).”

³² Đại sư Ấn Quang dạy: “Niệm Phật tuy quý ở tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba nghiệp thân - khẩu - ý giúp đỡ lẫn nhau. Nếu tâm ức niệm, nhưng thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng thì cũng khó được lợi ích. Người nâng vật nặng còn phải hô to tiếng để trợ lực, huống là muốn nhiếp tâm để chứng tam muội ư? Vì thế, kinh Đại Tập nói: ‘Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ.’ Cổ đức cho rằng, ‘Niệm lớn tiếng sẽ thấy thân Phật lớn hơn, niệm nhỏ tiếng sẽ thấy thân Phật nhỏ hơn’. Hàng phàm phu đầy dẫy triền phược, tâm nhiều hôn trầm, nếu chẳng nhờ vào sức thân khẩu lễ niệm mà mong được nhất tâm thật chẳng thể được!” (Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Gia Ngôn Lục)

Thế Quán Phòng, Niệm Phật Phòng cùng các sư huynh đệ đồng môn khác khi nghe điều này thì không đồng tình, vặn hỏi rằng, “Làm sao huynh có thể nói tín tâm của huynh giống với tín tâm của Sư phụ?”

Thánh nhân trả lời, “Trí tuệ, tài năng và kiến thức của Sư phụ thật hoàn hảo, rộng sâu. Nếu tôi nói rằng tôi giống Sư phụ về mặt này thì đó là đánh giá quá cao khả năng của tôi, nhưng xét về tín tâm vào sự vãng sanh thì hoàn toàn giống nhau, chỉ là một mùi vị.”

Họ vẫn không thể chấp nhận và hét lên, “Không phải vậy.” Cuối cùng mọi người đều đến chỗ của Thượng nhân và thỉnh cầu Thượng nhân phân xử đúng sai.

Khi toàn bộ câu chuyện được kể lại, Pháp Nhiên Thượng nhân nói, “Tín tâm của Nguyên Không là tín tâm nhận được từ Đức Phật A Di Đà, tín tâm của Thiện Tín Phòng cũng là tín tâm nhận được từ Đức Phật A Di Đà. Vì vậy, chỉ là một mùi vị. Tôi e rằng những người không có cùng tín tâm như tôi sẽ không có cách nào đến được Tịnh độ, nơi Nguyên Không muốn sanh về.”

Từ đó chúng ta có thể thấy rằng, trong số những người nhất hướng chuyên tu niệm Phật, sẽ có nhiều người có tín tâm khác với Thân Loan Thánh nhân.

Trên đây tuy là những lời trùng lặp lại nhai nhưng đều được ghi lại ở đây. Đời tôi ngắn ngủi như sương sớm, thân tôi như cỏ khô không lâu dài, tuy nhiên tôi có ý định chia sẻ lời dạy của Thánh nhân đã khai thị cho những người tu hành niệm Phật nào gặp phải nghi vấn. Sau khi tôi nhắm mắt, dị nghĩa chắc chắn sẽ lan rộng, nên tôi than thở và ghi chép tất cả dị thuyết mà đã đề cập ở trên. Nếu các vị bối rối trước những người truyền bá luận điểm sai lầm và không biết phải làm gì, hãy đọc kỹ những Thánh giáo mà Thánh nhân thường dẫn dụng lúc sanh tiền.³³

Nói chung, thánh giáo có sự thật và sự giả dối, mục đích ban đầu của bậc thánh nhân là hy sinh quyền lực vì sự thật và gạt bỏ sự giả dối để lấy sự thật. Hãy

³³ Xin đọc những Thánh giáo mà Thân Loan Thánh nhân đã trích dẫn trong tác phẩm Giáo Hành Tín Chứng.

chú ý đọc Kinh thánh và đừng hiểu sai Kinh thánh. Cuốn sách này liệt kê một số bằng chứng tài liệu quan trọng, lấy Tim làm tiêu chí.

Nói chung, Thánh giáo bao gồm những giáo lý phương tiện và giáo lý chân thật. Chỉ nương theo tuệ nhãn nghiên cứu kinh điển của Thân Loan Thánh nhân, chúng ta mới có thể phân biệt được những bất đồng trong giáo pháp, để rồi lãnh thọ chân thật và từ bỏ phương tiện.

Thánh nhân thường nói: “Nếu suy nghĩ kỹ, thì lời nguyện ‘ngũ kiếp tư duy’ của Đức Phật A Di Đà chỉ dành riêng cho một người là Thân Loan. Vì cứu độ cái thân tội nghiệp sâu nặng này mà Đức Phật đã phát ra bản nguyện, tôi chỉ biết hổ thẹn và cảm kích.”

Bây giờ tôi hỏi tường lời thuật hoài của Thánh nhân và lời vàng ngọc của Đại sư Thiện Đạo: “Tự thân hiện là phạm phu tội ác ở trong sanh tử, nhiều kiếp đến nay thường chìm đắm, thường lưu chuyển, không có nhân duyên xuất ly.”³⁴ Tôi thấy hoàn toàn tương đồng.

Thân Loan Thánh nhân đã tự thân chứng nghiệm điều đó, và dùng lời dạy của mình để nhắc nhở chúng ta, những người bị mắc kẹt trong mê chấp, không biết tội ác của tự thân rất là sâu nặng, cũng không biết ân đức của Như Lai rất là cao sâu.

Thực tế là chúng ta đã quên mất ân đức của Như Lai và chỉ đang quay cuồng trong điều thiện và điều ác của chính mình.

Thánh nhân đã nói: “Tôi không biết điều gì là thiện, cũng không biết điều gì là ác. Bởi vì Đức Phật A Di Đà biết điều thiện thực sự, và nếu Thân Loan cũng biết điều đó, thì có thể nói rằng tôi biết điều thiện. Hơn nữa, nếu Thân Loan biết điều ác như Đức Phật A Di Đà biết điều đó thực sự, thì có thể nói rằng tôi biết điều ác. Thế nhưng tôi không thực sự biết điều thiện và điều ác, tôi quyết định đúng sai vì lợi ích của mình. Kẻ phạm phu đầy đủ phiền não, sống trong thế giới nhà lửa vô

³⁴ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 4, phần Tán thiện nghĩa, tr. 271a28.

thường, vạn vật đều là ngôn từ sáo rỗng, không có chân thật, chỉ có niệm Phật là chân thật.”³⁵

Đúng là tôi và mọi người đều nói với nhau những điều giả dối không thật. Trong số những điều giả dối không thật, có một điều đặc biệt đáng buồn, đó là, khi người tu tập niệm Phật trao đổi với nhau về tín tâm của mình hoặc khi hướng dẫn người khác thì một số người đưa ra những lời dạy sai lạc, cho rằng chúng đến từ sự hướng dẫn cá nhân của Thân Loan Thánh nhân, nhằm cố gắng dập tắt sự tranh cãi và khiến đối phương không nói nên lời. Họ thực sự đã bịa đặt lời dạy của Thánh nhân. Thật đáng buồn và phẫn nộ! Nếu cẩn thận suy tư và giản trạch, các vị có thể hiểu rõ giáo nghĩa.

Những gì tôi nói ở trên không phải là quan điểm cá nhân của tôi. Do sự thiếu hiểu biết của mình, tôi không thể diễn giải kinh điển một cách thỏa đáng và hiểu được những lời dạy sâu sắc trong đó. Vì vậy, chắc chắn sẽ có sai sót trong cuộc thảo luận của tôi. Những gì viết ra ở đây chưa đến một phần trăm giáo huấn và chỉ thú mà Thân Loan Thánh nhân đã khai thị, chỉ là tôi nhớ được vài chữ mà thôi. Thật buồn! Tôi may mắn niệm Phật nhưng không thể trực tiếp vãng sanh nơi Báo độ, mà bị mắc kẹt ở biên địa. Tôi chỉ hy vọng rằng không ai trong số các đồng tu của tôi có những tín tâm khác, vì vậy tôi viết bài văn này trong nước mắt. Nó có tựa đề là "Thán Dị Sao" (Một cuốn sách được viết để than thở về dị thuyết), và xin đừng tùy tiện cho người khác xem.

Phụ Lục: Hồ sơ tội lưu đày

³⁵ Như Lai từ đại trí vô tâm, đại bi vô ngã mà đã phát đại nguyện vì chúng sanh, và cũng từ cái tâm phân biệt chấp ngã của phàm phu mà đã phát đại nguyện. Tâm Phật là chân thật, siêu vượt thời gian và không gian mà thường trụ, thiết lập thường nhiên, không suy tàn, không biến đổi, vĩnh hằng tương tục, luôn hồi hướng cho chúng sanh khiến đồng nhập Phật đạo. Tâm phàm phu là tâm ham muốn cho bản thân, buông lung khởi tình ý, cũng giống như vẽ phong cảnh nước nhưng không có gió nên không có sóng dâng, thêu hoa thậm chí còn đẹp nhưng không có hương thơm xung quanh, tất cả đều là hư giả không thật. Ở trong thế giới giả dối này, chỉ niệm Phật là chân thật. Như Thánh Đức Thái tử đã nói: “Thế gian là hư giả, chỉ Đức Phật là chân thật.”

Trong thời trị vì của Thiên Hoàng Hậu Điều Vũ (後鳥羽天皇, Go-Toba), Pháp Nhiên Thượng nhân đang hoằng dương tông chỉ Tha lực Bản nguyện Niệm Phật. Khi đó, các tăng lữ của chùa Hưng Phúc là kẻ thù của Đức Phật, họ đã tấu lên triều đình rằng, môn hạ của Thượng nhân có một số đệ tử đã có hành vi cố tình làm trái kinh điển, rời xa đạo pháp. Vì tin đồn vô căn cứ này mà một số người bị kết án phạt tù đầy như sau:

(1) Pháp Nhiên Thượng nhân và bảy người đệ tử bị kết tội lưu đầy. Bốn đệ tử nữa bị kết án tử hình.

Pháp Nhiên Thượng nhân bị tội lưu đầy ra Phan Đa (Hata) của Thổ Tá Quốc (Tosa-no kuni) và bị sửa tội danh là Đăng Tỉnh Nguyên Ngạn Nam, lúc đó ngài 76 tuổi.

Thân Loan, đầy đi Việt Hậu Quốc (Echi-go), tội danh là Đăng Tỉnh Thiện Tín, lúc đó ngài 35 tuổi.

Tịnh Văn Phòng đầy đi Bị Hậu Quốc. Trừng Tây Thiên Quang Phòng đầy đi Bá Kỵ Quốc. Hảo Giác Phòng đầy đi Y Đậu Quốc. Hành Không Pháp Bốn Phòng đầy đi Tá Độ Quốc. Hai vị Hạnh Tây Thành Giác Phòng và Thiện Huệ Phòng cùng bị đầy đi xa. Thiện Đề Đại Tăng Chánh (Hòa thượng Từ Trán) của chùa Vô Động được miễn tội lưu đầy. Số người bị đầy đi xa, kể ra có 8 vị ở trên.

(2) Những người bị kết tội tử hình:

Tử hình gồm những vị như sau: Người thứ nhất là Tây Ý Thiện Xước Phòng. Người thứ hai là Tánh Nguyệt Phòng. Người thứ ba là Trụ Liên Phòng. Người thứ tư là An Lạc Phòng.

Người chấp hình: Chánh nhị vị Quyền Trung Nạp Ngôn (Gon-Chūnagon), con của Nhất Điều Năng Bảo (Ichijō Yoshiyasu, 1147-1197).

Thân Loan phải đổi Tăng nghi, bị ban cho tục danh, do đó ngài là phi Tăng phi tục. Giữa lúc lưu đầy, ngài lấy chữ “Ngốc” làm họ, và trình tấu văn lên triều

đình. Văn bản cáo trạng còn lưu giữ ở Ngoại Ký Sảnh. Sau lưu đày về, ngài đổi tên Ngu Ngốc Thân Loan (Gutoku Shinran).

Tái Bút

Thánh giáo thiêng liêng này là một trong những Thánh giáo trọng yếu của phái chủ lưu. Đừng dễ dàng đưa nó cho người không có túc thiện căn xem đọc.

Thích Liên Như³⁶ (ký chữ để làm ghi)

³⁶ Liên Như (蓮如, Rennyo, 1415-1499): con đầu của Tồn Như (存如, Zonnyo) đời thứ 7 của Bản Nguyên Tự (本願寺, Hongan-ji), húy là Kiêm Thọ (兼壽), hiệu là Tín Chứng Viện (信証院). Sống trong khoảng thời kỳ Bản Nguyên Tự đang bị suy vi và trưởng thành lên trong khổ nạn, ông đã theo cha tận lực giáo hóa ở các địa phương phía Nam vùng Cận Giang (近江, Ōmi, thuộc Shiga-ken [滋賀縣]). Đến năm 1457, ông kế thừa cha mình và trở thành vị tổ đời thứ 8 của Bản Nguyên Tự. Do vì đứng trên truyền thống của Tịnh Độ Chơn Tông mà tiến hành cải cách, nên vào năm 1471 ông bị đồ chúng của Tỷ Duệ Sơn phá tan Đại Cốc Bản Nguyên Tự ở vùng Đại Cốc (大谷, Ōtani); khiến ông phải lánh nạn đến biệt sở phía Nam của Tam Tỉnh Tự (三井寺) vùng Đại Tân (大津), rồi xây dựng nhà riêng ở Cát Khi (吉崎, Yoshizaki) thuộc vùng Việt Tiền (越前, Echizen, thuộc Fukui-ken [福井縣]) và chuyển đến đó ở. Ông đã tác thành rất nhiều văn bản, cho xuất bản các bài Hòa Tán cũng như Chánh Tín Kệ (正信偈) của Thân Loan, và tiến hành những hoạt động giáo hóa khắp nơi từ vùng Bắc Lục (北陸, Hokuriku) cho đến Đông Hải (東海, Tōkai), Đông Quốc (東國, Tōgoku) và Áo Châu (奥州, Ōshū). Tuy nhiên, do vì sự đối lập trong mối quan hệ lợi hại phát sanh giữa các môn đồ thọ nhận sự giáo hóa của ông với những lãnh chúa địa phương, nên ông lại phải rời khỏi địa phương Cát Khi và đến bố giáo ở các vùng Nhiếp Tân (攝津, Settsu), Hà Nội (河内, Kawachi), Hòa Tuyền (和泉, Izumi) thuộc Osaka (大阪) ngày nay. Vào năm 1480, ông bắt đầu tái kiến Bản Nguyên Tự ở vùng Sơn Khoa (山科, Yamashina), mở rộng giáo hóa, cho nên người ta quy y theo phái ông nhiều hơn các phái khác. Vào độ tuổi 75, ông nhường lại mọi hậu sự cho người con trai thứ 5 là Thật Như (實如, Jitsunyo) và sống ẩn cư; nhưng sau đó ông vẫn tiếp tục bố giáo. Đến năm 1496, ông lại xây dựng nhà riêng ở vùng Thạch Sơn (石山, Ishiyama), Osaka và tiếp tục hoạt động truyền giáo cho đến 85 tuổi thì qua đời. [Tiểu Sử Chư Vị Thiên Sư, Tàn Mộng Tử biên soạn]